

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/HSST
Ngày 27/10/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Như V; ông Nguyễn S.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Vũ Minh T- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Đình H - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 27/10/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2020/HSST ngày 06/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐXXST-HS ngày 15/10/2020 đối với các bị cáo:

1. Đoạn Tiến N, sinh năm 1999.

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh L; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoạn Văn H, sinh năm 1977 và bà Lương Thị L, sinh năm 1977; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: 01: Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HSST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L, xử phạt N 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự về tội "Đánh bạc" và đã chấp hành án phí sơ thẩm.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, có mặt tại phiên tòa.

2. Công Vĩnh T, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã H, huyện B, tỉnh L; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: N; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Công Văn L, sinh năm 1978 và bà Lê Thị H, sinh năm 1981; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con duy nhất nhất; Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1999; có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/6/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố B, có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Tiến N: Ông Trần Thọ Đ - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Công Vĩnh T: Bà Nguyễn Thị C - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B (Có mặt).

Địa chỉ: Số 08, đường P, phường S, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 29/6/2020, tại trước cửa nhà nghỉ Hoàng Kim thuộc khu L, phường V, thành phố B, tỉnh B, Đoàn Tiến N và Công Vĩnh T đang có hành vi bán trái phép cho Lương Đình L 0,0901gam ma túy Herôine với giá 600.000đ thì bị Công an thành phố B kiểm tra, phát hiện và lập biên bản bắt quả tang và thu giữ:

Tại bàn tay phải của Lương Đình L 02 gói giấy bọc ngoài bằng giấy màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng.

Thu tại tay phải của N đang cầm số tiền 600.000đ gồm 06 tờ tiền mỗi tờ có mệnh giá 100.000đ.

Cùng ngày 29/6/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B khám xét khẩn cấp nơi ở của Đoàn Tiến N, Công Vĩnh T ở thôn D, xã P, huyện Q, tỉnh B. Kết quả khám xét không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại bản kết luận giám định số: 504/KLGĐMT-PC09 ngày 01/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: “ Chất bột màu trắng bên trong 02 gói bọc ngoài bằng giấy màu trắng có khối lượng 0,0901 gam; Là ma túy: Loại ma túy: Herôine”.

Cáo trạng số: 187/CT-VKSTPBN ngày 05/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Đoàn Tiến N, Công Vĩnh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Đoàn Tiến N và Công Vĩnh T đã khai nhận: Khoảng 11 giờ, ngày 29/6/2020, hai bị cáo N và T mỗi người góp 300.000đ, cùng rủ nhau đi mua ma túy về bán kiếm lời. Hai bị cáo đi đến phường Đ, thị xã T tìm mua ma túy. Đến nơi, N và T dừng ở trước cửa một ngôi nhà có cửa sắt đóng kín, T bảo N vào hỏi mua ma túy. N đưa tiền qua khe cửa sắt của ngôi nhà và bảo bán cho 600.000đ tiền ma túy, trong nhà có người nhận tiền và đưa qua khe cửa cho N 03 gói giấy bọc ngoài bằng giấy màu trắng bên trong đều chứa chất bột màu trắng. Nghi biết 03 gói Herôin nên đã cầm 03 gói ma túy vừa mua được cùng T đi về thành phố B. Đi đến trước cửa nhà nghỉ Hoàng K, khu L, phường V, thành phố B, T, N dừng lại xem có ai hỏi mua ma túy thì bán kiếm lời. Khoảng 12 giờ 45 phút có một thanh niên không quen biết đến hỏi T “có ma túy bán không, bán cho 600.000đ”, T trả lời “có” và bảo L đưa tiền cho N và L đưa cho N số tiền 600.000đ gồm 06 tờ tiền mệnh giá 100.000đ, N nhận tiền cầm tay phải rồi đưa cho L 02 gói ma túy, L cầm tay phải. Đúng lúc này thì bị Công an kiểm tra bắt giữ và thu vật chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, cả hai bị cáo là người dân tộc đều thuộc thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh L. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đoàn Tiến N, Công Vĩnh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Đề nghị xử phạt Đoàn Tiến N từ 26 đến 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 01/2020/HSST, ngày 14/02/2020 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 32 đến 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/6/2020. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày 27/10/2020 để đảm bảo thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt Công Vĩnh T từ 24 đến 26 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/6/2020. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày 27/10/2020 để đảm bảo thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho hai bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định theo kết luận giám định số 504/KLGĐMT- PC09 ngày 01/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B; Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 600.000đồng.

Người bào chữa cho bị cáo N, ông Trần Thọ Đ tranh luận: Nhất trí với lời luận tội của đại diện Kiểm sát, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Ông Đ đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bị cáo Nghi phạm tội trong thời gian thử thách tại Bản án số 01/2020/HSST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L. Vì vậy bị cáo N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án theo Điều 56 Bộ luật hình sự và bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm”, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo N là người dân tộc thôn, bản, xã thuộc vùng khó khăn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo N hưởng mức hình phạt thấp nhất, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo T, bà Nguyễn Thị C nhất trí với lời luận tội của đại diện Kiểm sát, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Tuấn về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự

là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bà C đồng tình với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo là người dân tộc thôn, bản, xã thuộc vùng khó khăn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo, người bào chữa cho hai bị cáo không tham gia tranh luận gì với quan điểm của Kiểm sát viên. Các bị cáo chỉ xin hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Căn cứ các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Đoàn Tiến N và Công Vĩnh T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử xét đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 29/6/2020, tại trước cửa nhà nghỉ H thuộc khu L, phường V, thành phố B, tỉnh B, Đoàn Tiến N và Công Vĩnh T có hành vi bán trái phép cho Lương Đình L 0,0901gam ma túy Heroine với giá 600.000đ mục đích kiếm lợi nhuận.

Bị cáo Đoàn Tiến N và Công Vĩnh T đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Cáo trạng truy tố hai bị cáo theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ: Bị cáo N và bị cáo T cùng góp số tiền mua ma túy bằng nhau mỗi người góp 300.000đ đi mua ma túy, sau khi mua được ma túy cùng mục đích bán kiếm lời, cả hai bán cho L 600.000đ 02 gói ma túy. Do vậy xác định hai bị cáo N, T có vai trò ngang nhau trong vụ án.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Bị cáo N phạm tội trong thời gian thử thách tại Bản án số 01/2020/HSST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L. Vì vậy bị cáo Nghị phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án theo Điều 56 Bộ luật hình sự và bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Cả hai bị cáo là người dân tộc, thôn B, Bản T, xã H, huyện B đều thuộc thôn, xã đặc biệt khó khăn - khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh L. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, hai bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân nên cả hai bị cáo cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là “*Phạt tiền*” theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên hai bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, không có tài sản, số tiền thu lời bất chính không lớn nên miễn hình phạt tiền cho hai bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án: Mẫu vật còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì thư có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 gói ma túy trong số 03 gói ma túy do N, T mua được, do hai bị cáo khai đã bị rơi mất trên đường đi từ lúc nào không biết. Hai bị cáo N, T khẳng định không bán và cũng không sử dụng gói ma túy này, vì vậy không thu hồi được nên không xem xét xử lý.

Đối với số tiền 600.000đồng do Công an thu giữ tại tay phải bị cáo N, là tiền các bị cáo bán ma túy nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Lương Đình L đã có hành vi mua chất ma túy của bị cáo N, T ngày 29/6/2020. Quá trình điều tra xác định mục đích L mua ma túy để phục vụ nhu cầu sử dụng của bản thân. Đồng thời, khối lượng chất ma túy thu giữ chưa đủ định lượng cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bản thân L chưa có tiền án, tiền sự và hiện L không có mặt tại địa phương nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa làm rõ được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Người đàn ông đã bán ma túy cho N, T ở phường Đ, thị xã T, tỉnh B, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa xác định được con người cụ thể, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; (điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo N); Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Đoàn Tiến N, Công Vĩnh T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Đoàn Tiến N 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 01/2020/HSST, ngày 14/02/2020 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh L. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/6/2020. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày 27/10/2020 để đảm bảo thi hành án.

Xử phạt bị cáo Công Vĩnh T 26 (Hai mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/6/2020. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày 27/10/2020 để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước số tiền 600.000đ gồm 06 tờ tiền đều có mệnh giá 100.000đ; Tịch thu tiêu huỷ một phong bì thư được niêm phong theo quy định, bên trong có chứa mẫu vật còn lại sau giám định theo bản kết luận giám định số 504/KLGĐMT- PC 09 ngày 01/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, theo biên bản giao nhận tài sản, vật chứng số 01/GN-THA, ngày 01/10/2020 giữa Công an thành phố B và Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Về án phí: Buộc các bị cáo Đoàn Tiến N, Công Vĩnh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành phố B
- CQĐT CA thành phố B;
- Trại TGCA tỉnh B;
- CCTHADS thành phố B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hồng